

**BẢNG GIÁ QUẢNG CÁO
TRÊN SÓNG PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH
VÀ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ NĂM 2018**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-PTTH ngày 21/12/2017
của Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang)

A. GIÁ QUẢNG CÁO TRÊN SÓNG TRUYỀN HÌNH :

I. Mức thu phí quảng cáo trên sóng truyền hình (Thuế VAT trực tiếp)

Đvt : 1.000 đồng

| Thời điểm quảng cáo | Mã giờ | Thời gian | Đơn giá quảng cáo | | | | |
|---|--------|--|-------------------|-------|--------|--------|--------|
| | | | 5" | 10" | 15" | 20" | 30" |
| 1. Buổi sáng : | | | | | | | |
| Trước 60 Giây sáng | THTG1 | 6giờ 25 - 6giờ 30 | 800 | 1.500 | 2.000 | 3.000 | 4.000 |
| Trước phim truyện VN | THTG2 | 7giờ 05 - 7giờ07 | 1.200 | 2.000 | 3.000 | 4.000 | 6.000 |
| Giữa phim truyện | THTG3 | 7 giờ 25 – 7 giờ 28 | 1.000 | 1.600 | 2.400 | 3.200 | 5.000 |
| Sau phim truyện VN | THTG4 | 7giờ 45 - 7giờ 50 | 800 | 1.500 | 2.000 | 3.000 | 4.000 |
| Trước phim truyện Nước ngoài | THTG5 | 8 giờ 25– 8 giờ 30 | 1.000 | 1.600 | 2.400 | 3.200 | 5.000 |
| Giữa phim truyện | THTG6 | 8 giờ 50 – 9 giờ 05 | 1.400 | 2.200 | 3.200 | 4.200 | 6.200 |
| Sau phim truyện NN | THTG7 | 9 giờ 25 – 9 giờ 35 | 1.500 | 2.400 | 3.400 | 4.400 | 6.400 |
| 2. Buổi trưa : | | | | | | | |
| Trong phim Sitcom (giữa và sau phim) | THTG8 | 11 giờ 05 - 11giờ 15 | 1.500 | 5.000 | 8.000 | 12.000 | 16.000 |
| Trước phim truyện | THTG9 | 11 giờ 55 - 12giờ 00 | 1.500 | 5.000 | 8.000 | 12.000 | 16.000 |
| Xen giữa phim truyện và giữa hai tập phim | THTG10 | 12 giờ 20 -12 giờ25 12 giờ45 - 12giờ 50 13 giờ 10 -13 giờ 15 | 3.300 | 5.200 | 12.000 | 15.000 | 21.000 |
| Sau phim truyện | THTG11 | 13giờ 25 -13giờ 30 | 1.500 | 3.500 | 7.000 | 9.000 | 13.000 |

| | | | | | | | |
|---|--------|----------------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| | | | | | | | |
| 3. Phim truyện Việt Nam 14 giờ (phim xé) : | | | | | | | |
| Trước phim truyện | THTG12 | 13 giờ 55 - 14giờ 00 | 800 | 1.500 | 2.000 | 2.500 | 4.000 |
| Xen giữa phim | THTG13 | 14giờ 20 - 14giờ 30 | 1.200 | 2.000 | 3.000 | 4.000 | 6.000 |
| Sau phim truyện | THTG14 | 14giờ 50- 14 giờ 55 | 800 | 1.600 | 2.500 | 3.500 | 5.000 |

4. Buổi chiều
4.1 Phim chiều 1 (1 tập), từ 16h25 – 17h15) :

| | | | | | | | |
|------------------------------------|--------|-------------------|-------|-------|-------|--------|--------|
| Trước phim chiều 1 | THTG15 | 16giờ22 - 16giờ27 | 1.300 | 2.600 | 4.000 | 5.200 | 8.000 |
| Giữa phim chiều 1 | THTG16 | 16giờ40 - 16giờ50 | 1.500 | 3.000 | 4.500 | 6.500 | 10.000 |
| Sau phim chiều 1, trước chuyên mục | THTG17 | 17giờ10 - 17giờ15 | 2.600 | 5.200 | 8.500 | 10.500 | 17.000 |

4.2 Phim chiều 2 (1 tập), từ 17h30 – 18h20

| | | | | | | | |
|-----------------------------------|--------|-------------------|-------|-------|--------|--------|--------|
| Sau chuyên mục Trước phim chiều 2 | THTG18 | 17giờ27- 17giờ30 | 4.000 | 6.500 | 9.000 | 12.400 | 17.500 |
| Giữa phim chiều 2 | THTG19 | 17giờ50 – 17giờ55 | 4.500 | 6.500 | 10.000 | 13.000 | 19.000 |
| Sau phim chiều 2 | THTG20 | 18giờ15 - 18giờ25 | 5.000 | 7.000 | 11.000 | 14.000 | 21.000 |

5. Buổi tối :

| | | | | | | | |
|-----------------------------------|--------|-------------------|-------|-------|--------|--------|--------|
| Sau thời sự TG, Trước thời sự VTV | THTG21 | 18giờ54 – 19giờ00 | 6.000 | 8.500 | 12.500 | 18.000 | 23.000 |
|-----------------------------------|--------|-------------------|-------|-------|--------|--------|--------|

6. Phim truyện 1 và giải trí tối :

| | | | | | | | |
|---|--------|--------------------|-------|--------|--------|--------|--------|
| Sau VTV, trước phim 1, Xen sau hình hiệu phim | THTG22 | 19giờ43 - 19 giờ50 | 5.500 | 9.000 | 15.000 | 22.800 | 29.500 |
| Giữa phim | THTG23 | 20giờ 05– 20giờ15 | 5.800 | 11.700 | 16.500 | 25.000 | 33.000 |
| Sau phim 1, trước chuyên mục, truyền hình thực tế | THTG24 | 20giờ 27– 20giờ 30 | 5.800 | 11.700 | 16.000 | 24.000 | 32.500 |

7. Phim truyện 2 và giải trí tối (Phim Việt Nam) :

| | | | | | | | |
|---|--------|-------------------|-------|--------|--------|--------|--------|
| Trước phim truyện 2 | THTG25 | 20giờ 45-20giờ52 | 6.600 | 12.300 | 17.300 | 23.700 | 35.000 |
| Giữa phim | THTG26 | 21giờ 10-21giờ18 | 5.500 | 9.000 | 14.000 | 20.800 | 27.300 |
| Sau phim truyện 2 Trước phim truyện 3 | THTG27 | 21giờ 33-21giờ38 | 4.000 | 7.000 | 10.000 | 12.000 | 18.200 |
| 8. Phim truyện 3 (phim nước ngoài) và chương trình giải trí, khoa giáo : | | | | | | | |
| Giữa phim 3 | THTG28 | 21giờ50 - 21giờ55 | 1.500 | 3.000 | 4.500 | 6.500 | 10.000 |
| Sau phim 3 hoặc sau giải trí | THTG29 | 22giờ20- 22giờ25 | 1.200 | 2.500 | 4.000 | 5.200 | 8.000 |

***Ghi chú:**

+ Sai số cho phép về thời lượng đối với mẫu quảng cáo 15 giây là 2 giây; đối với mẫu quảng cáo 30 giây là: 3 giây.

+ Sai số cho phép về thời gian ở từng khung giờ từ 3 - 5 phút.

II. Mức thu quảng cáo hình gạt trên truyền hình (panel đầy màn hình, có logo sản phẩm, có chữ) phát sóng trong hình hiệu quảng cáo (thuế VAT trực tiếp) :

| Khung giờ phát sóng | Thời lượng | Đơn giá/lần |
|--|------------|-------------|
| Khung giờ buổi sáng (từ 6 giờ 15 đến 10 giờ 50) | 5 giây | 500.000đ |
| Buổi trưa (từ 11 giờ 20 đến 13 giờ 30) | 5 giây | 600.000đ |
| Khung giờ xế và chiều (từ 13 giờ 55 đến 18 giờ 10) | 5 giây | 700.000đ |
| Khung giờ buổi tối (từ 18 giờ 50 đến 21 giờ 30) | 5 giây | 1.500.000đ |

III. Mức thu phí key logo và key chữ (Thuế VAT trực tiếp) :

Đơn vị tính: 1.000đ

| Thời điểm | Thời gian | Giá quảng cáo | | | | |
|--|-----------|---------------|-----|-----|-----|-----|
| | | 5" | 10" | 15" | 20" | 30" |
| 1. Key logo, chữ chân màn hình (diện tích 10% màn hình) | | | | | | |

| | | | | | | |
|--------------------|-------------------|-----|-----|-------|-------|-------|
| Sáng, trưa, chiều | 7giờ00- 18giờ10 | 100 | 300 | 500 | 800 | 1.000 |
| Trong giải trí tối | 19giờ00 – 22giờ00 | 300 | 600 | 1.000 | 1.500 | 2.000 |
| 2. Pop up: | | | | | | |
| Sáng, trưa, chiều | 7giờ00- 18giờ10 | 150 | 300 | 600 | 800 | 1.000 |
| Trong giải trí tối | 19giờ00 – 22giờ00 | 300 | 600 | 1.000 | 1.500 | 2.000 |

IV. Mức thu phí tự giới thiệu và thông báo (Thuế VAT trực tiếp) :

| Hình thức quảng cáo | Thời điểm | Mức thu |
|--|--|--------------------------------|
| 1. Tự giới thiệu : | | |
| Các khung giờ nằm trong phim sáng (từ 6giờ25-9giờ35) | 6giờ 30 -9giờ 35 | 600.000đ/phút |
| Trước Thời sự trưa | 11giờ 25 – 11giờ 30 | 1.200.000đ/phút |
| Trước phim, giữa phim và giữa 02 tập phim trưa | 11giờ55 – 12giờ00 12giờ 20 - 12giờ 25 12giờ45 – 12giờ50 13giờ10-13giờ15 | 1.500.000đ/phút |
| Sau phim trưa | 13 giờ25 - 13 giờ30 | 1.000.000đ/phút |
| Trước phim xế 14giờ | 13 giờ55 – 14 giờ | 400.000đ/phút |
| Giữa phim xế | 14 giờ20 - 14 giờ30 | 500.000đ/phút |
| Sau phim xế | 14 giờ50 -14 giờ55 | 400.000đ/phút |
| Trước phim chiều 1 và giữa phim chiều 1 | 16 giờ25 – 16 giờ30 16 giờ40 – 16 giờ50 | 600.000đ/phút 800.000đ/phút |
| Sau phim chiều 1 | 17giờ10 – 17giờ15 | 900.000đ/phút |
| Trước phim chiều 2 | 17giờ27 – 17giờ30 | 1.000.000đ/phút |
| Giữa phim chiều 2 | 17giờ 50 – 17giờ 55 | 1.000.000đ/phút |
| Sau phim chiều 2 | 18giờ15 – 18giờ25 | 1.200.000đ/ phút |
| Trước Thời sự TG | 18giờ27 -18giờ30 | 1.500.000đ/phút |
| Trước thời sự VTV | 18giờ54 -19giờ 00 | 2.500.000đ/phút |
| Sau thời sự VTV, trước phim tối 1 | 19giờ43-19giờ50 | 3.000.000đ/phút |

| | | |
|------------------------------|-------------------|-----------------|
| Giữa phim tối 1 | 20giờ05 – 20giờ15 | 3.400.000đ/phút |
| Sau phim tối 1 | 20giờ27 – 20giờ30 | 3.000.000đ/phút |
| Trước phim tối 2 | 20giờ45 – 20giờ50 | 2.200.000đ/phút |
| Giữa phim tối 2 | 21giờ10 – 21giờ18 | 1.800.000đ/phút |
| Sau phim tối 2, trước phim 3 | 21giờ33 – 21giờ38 | 1.200.000đ/phút |
| Giữa phim 3 | 21giờ50 - 21giờ55 | 800.000đ/phút |
| Sau phim 3 hoặc sau giải trí | 22giờ20- 22giờ25 | 600.000đ/phút |

2. Chương trình khoa giáo, các loại hình tư vấn khác, trò chơi truyền hình, hỗ trợ kiến thức (Áp dụng cho băng đĩa từ 02 phút trở lên) :

| | | |
|---|---|------------------|
| Sau phim tối 1 | 19 giờ 43 – 19 giờ 50 | 1.000.000đ/ phút |
| Trước phim trưa Trước phim chiều | 11 giờ 55 – 12 giờ 00 16 giờ 25 – 16 giờ 30 | 700.000đ / phút |
| Sau phim chiều 2 Trước 60 Giây sáng Trước phim xế | 18 giờ 15 - 18 giờ 25 6 giờ 25 – 6 giờ 30 13 giờ 50 – 14 giờ 00 | 500.000đ / phút |

Ghi chú: Hợp đồng tư vấn tiêu dùng, các loại hình tư vấn khác, trò chơi truyền hình, hỗ trợ kiến thức phát thường xuyên thời gian từ 2 tháng trở lên tính theo giá thỏa thuận. Giá phát sóng Home shopping năm 2018 là: 200.000đ/phút (giá khoán, không còn giảm giá, áp dụng cho các khung giờ theo lịch phát sóng của Đài).

3. Thông báo :

| | | |
|--|---|---|
| Buổi sáng, trưa, chiều | 5giờ 45- 17giờ 50 | 4.000đ/âm đọc |
| Sau phim chiều 2 | 18giờ15 - 18giờ25 | 6.000đ/ âm đọc |
| Trước thời sự VTV | 18giờ54 -19giờ00 | 7.000đ/âm đọc |
| Sau thời sự VTV, trước phim 1 trong giải trí (chỉ nhận mẫu thông báo ngắn, có backdrop, nội dung chọn lọc) | 19giờ43- 19giờ50 Từ 20giờ00- 20giờ45 | 8.000đ/ âm đọc |
| Tin buồn, Mất giấy tờ, Cảm tạ, Tìm người thân ..., các nội dung rao vặt khác. | 18 giờ 05- 19 giờ 00 | - Dưới hoặc bằng 100 âm đọc : 250.000đ/lần. - Từ âm đọc thứ 101 trở đi tính thêm 3.000đ/âm đọc. - Các trường hợp trên nếu phát sóng quảng |

| | | |
|--|--|--|
| | | cáo vào buổi sáng, trưa, chiều sẽ được giảm giá 50%. |
|--|--|--|

* **Ghi chú:** + Sai số cho phép đối với 1 phút tự giới thiệu là: 5 giây.

+ Các mẫu tự giới thiệu đăng ký vào khung giờ vàng buổi tối thời lượng không vượt quá 3 phút.

+ Sai số cho phép đối với 1 chương trình khoa giáo từ 10 phút trở lên là: 1 - 2 phút (Tùy chương trình dài ngắn).

IV. Mức thu phí các loại hình dịch vụ truyền hình (Thuế VAT trực tiếp):

1. Làm phim truyền thông cho các cá nhân, đơn vị trong nước; thực hiện phim tự giới thiệu, phim gia công ... : 3.500.000đ/phút.

2. Quay phim tư liệu (quay thô tại Tp.Mỹ Tho) : 100.000đ/phút (nếu quay ngoài địa bàn Tp.Mỹ Tho thì phía đối tác hỗ trợ phương tiện đưa rước).

3. Thực hiện mẫu quảng cáo thời lượng 30 giây :

- Mẫu đơn giản : 30.000.000đ/mẫu.

- Mẫu kỹ xảo : 40.000.000đ/mẫu.

- Mẫu có diễn viên Tp.HCM: 80.000.000đ/mẫu.

4. Thực hiện và phát sóng tin thời sự 01 phút (đưa tin thương mại, kể cả 2 lần phát sóng theo lịch của Đài) :

- Tại Tp. Mỹ Tho : 5.500.000đ/phút/tin (do Đài thực hiện).

- Ở các huyện thuộc lân cận : 6.500.000đ/phút/tin (do Đài thực hiện).

- Ở các huyện xa: Gò Công Tây, Tx. Gò Công, Tân Phú Đông, Gò Công Đông, Cái Bè: 7.500.000đ/phút.

- Ở các tỉnh lân cận và TP. Hồ Chí Minh: 8.500.000đ/phút.

- Có băng hoàn chỉnh từ 1 phút trở lại không phải do đài thực hiện nếu đăng ký phát trong chương trình thời sự hoặc trong các khung giờ cao điểm khác, mức thu 3.500.000đ/phút/tin.

5. Cho thuê xe truyền hình trực tiếp và tổ chức truyền hình trực tiếp:

a. Cho thuê xe truyền hình thu các chương trình, không trực tiếp chương trình trên sóng Đài tỉnh (cả ngày) :

- Trong tỉnh : 25.000.000đ/cuộc.

- Các tỉnh giáp ranh Tiền Giang : 30.000.000đ/cuộc.

- Tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh xa (phạm vi từ Đồng Nai trở vào) : 35.000.000đ/cuộc.

b. Tổ chức truyền hình trực tiếp các chương trình trên Đài (không quá 02 giờ) bao gồm cả ekip thực hiện:

- Trong tỉnh : 45.000.000đ.

- Các tỉnh giáp ranh Tiền Giang : 60.000.000đ.

- Tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh xa (phạm vi từ Đồng Nai trở vào): 70.000.000 đ.

* Trường hợp trực tiếp tổ chức vào ban ngày thì giá do Ban Giám đốc quyết định cho trường hợp cụ thể.

c. Tiếp sóng truyền hình trực tiếp:

- Ban ngày : 25.000.000đ (2 giờ).

- Buổi tối : 45.000.000đ (2 giờ).

* **Ghi chú :**

- Nếu thời lượng vượt hơn thời lượng nêu trên, cứ 15 phút thu thêm 10% theo giá qui định.

- Trường hợp thời lượng ngắn hơn thì tùy thực tế mà Giám đốc Đài quyết định giá trên cơ sở thỏa thuận với khách hàng.

- Các trường hợp đặc biệt khác không nằm trong khung giá nêu trên sẽ do Hội đồng thẩm định giá và duyệt các chương trình giải trí Đài quyết định.

- Đối với hợp đồng dài hạn, ký thực hiện nhiều chương trình, thì giá thực hiện sẽ do hội đồng quyết.

V. Mức thu phí in sang các chương trình (Thuế VAT trực tiếp) :

1. Đối với các chương trình do Đài tỉnh sản xuất in sang ra đĩa CD, DVD, xuất file : mức thu 50.000đ/đĩa.

2. Đối với chương trình do khách hàng đem đến để in sang ra đĩa CD, DVD : mức thu 60.000đ/đĩa.

VI. Giá phát sóng thực phẩm chức năng: tính theo giá khoán và có bảng giá riêng cho từng thể loại và khung giờ.

B. GIÁ QUẢNG CÁO TRÊN SÓNG PHÁT THANH :

1. Thực hiện và phát sóng tin thương mại trên sóng Phát thanh (bao gồm 2 lần phát sóng: sáng và tối): 2.000.000đ/phút/2 lần phát.

2. Thực hiện mẫu tự giới thiệu phát thanh: 1.500.000đ/phút

3. Giá dịch vụ làm mẫu băng quảng cáo trên sóng phát thanh :

Làm mẫu băng cho chương trình quảng cáo phát thanh : 8.000.000 đ/phút (các mẫu quảng cáo băng hình thức đối thoại từ 03 người trở lên được tính theo giá này).

4. Giá quảng cáo trên sóng phát thanh FM tần số 96,2Mhz (Thuế VAT trực tiếp):

| STT | Nội dung | Vị trí quảng cáo | Đơn giá |
|-----|---|---|---|
| 1 | Nhắn tin, rao vặt (thời lượng 01 phút) | Sáng – Trưa – Chiều | 150.000đ/lần |
| 2 | Thông báo (thời lượng 01 phút) | Sáng - Trưa – Chiều | 400.000đ/lần |
| 3 | Quảng cáo băng đĩa có sẵn (thời lượng 01 phút) | Buổi sáng Buổi trưa Buổi chiều, tối | 600.000đ/lần 450.000đ/lần 350.000đ/lần |
| 4 | Tự giới thiệu (từ 02 phút trở lên băng có sẵn) | Buổi sáng Buổi trưa Buổi chiều, tối | 400.000đ/phút 400.000đ/phút 300.000đ/phút |

C. GIÁ QUẢNG CÁO TRÊN TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ:

Thực hiện theo giá khoán: với diện tích, vị trí, và thiết kế do Đài bố trí và thực hiện (có thỏa thuận với khách hàng):

- Đăng liên tục trong 6 tháng: 10.000.000đ.

- Đăng liên tục trong 1 năm: 20.000.000đ.

* Các trường hợp khác do 2 bên thỏa thuận.

D. QUY ĐỊNH VỀ GIẢM GIÁ VÀ KHEN THƯỞNG:

1. Quy định về tỷ lệ giảm giá các hợp đồng quảng cáo:

- Mức giảm giá cụ thể được tính trên giá trị hợp đồng thực tế.

- Đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trực tiếp ký hợp đồng tài trợ chương trình thì không áp dụng tỷ lệ giảm giá này mà được tính giá thỏa thuận trên tinh thần lấy thu bù chi và có tích lũy theo Văn bản: 1133/UBND-TM ngày 07/03/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Tùy theo doanh thu mà được Đài xem xét có chính sách giảm giá ưu đãi theo quy định hiện hành.

- Mức giảm giá quảng cáo, dịch vụ cụ thể được tính cho khách hàng theo doanh thu dưới đây:

| STT | Doanh thu quảng cáo thực tế | Tỷ lệ giảm (%) |
|-----|---------------------------------------|----------------|
| 1 | Trên 5.000.000 - 10.000.000đ | 10 |
| 2 | Trên 10.000.000 - 50.000.000đ | 15 |
| 3 | Trên 50.000.000 - 500.000.000đ | 20 |
| 4 | Trên 500.000.000 - 1.000.000.000đ | 25 |
| 5 | Trên 1.000.000.000 - < 3.000.000.000đ | 30 |
| 6 | Từ 3.000.000.000đ trở lên | 35 |

* **Lưu ý:** Doanh thu từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng chỉ áp dụng giảm giá cho các hợp đồng phát sóng thông báo, tự giới thiệu, không áp dụng cho thể loại quảng cáo.

2. Những trường hợp đặc biệt:

Đối với những khách hàng mới ký hợp đồng quảng cáo, tài trợ lần đầu, đối với các doanh nghiệp ký kết doanh số lớn từ 500.000.000đ trở lên và đối với các chương trình thực tế, khoa giáo, giải trí, gameshow do khách hàng sản xuất có chất lượng tốt, mang tính phục vụ khán giả và phát triển thương hiệu Đài Tiền Giang thì mức tài trợ và giá quảng cáo đi theo chương trình tài trợ không áp dụng theo Bảng giá này, mà giá hợp tác, tài trợ, phát sóng... do Hội đồng thẩm định và phê duyệt các chương trình dịch vụ, giải trí của Đài quyết định trên cơ sở lấy thu bù chi, công khai minh bạch theo Văn bản: 1133/UBND-TM ngày 07/03/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, và theo các quy định khác của Pháp luật hiện hành.

3. Chính sách khen thưởng:

Để khuyến khích khách hàng chạy quảng cáo đạt doanh số cao ở mức từ 3.000.000.000đ trở lên, Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang đề ra mức thưởng cho khách hàng, tùy thuộc vào doanh số cuối năm mà các công ty đạt được.

4. Quy định tỷ lệ hoa hồng quảng cáo:

- Doanh thu quảng cáo từ 05 triệu đến dưới 10 triệu: 4%.
- Doanh thu quảng cáo từ 10 triệu đến dưới 100 triệu: 5%
- Doanh thu quảng cáo từ 100 triệu đến dưới 300 triệu: 6%

- Doanh thu quảng cáo từ 300 triệu trở lên: 7%

*** Một số quy định khác :**

- Tỷ lệ hoa hồng quảng cáo được nhận trên giá trị hợp đồng sau khi trừ thuế VAT.

- Các hợp đồng quảng cáo nếu nhận hoa hồng thì không giảm giá và ngược lại.

- Việc chi hoa hồng quảng cáo chỉ được nhận khi các cá nhân, đơn vị đã thanh toán 100% giá trị hợp đồng./.

